

Bản án số: 01/2024/DS - PT
Ngày 04 tháng 01 năm 2024
V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền
Các Thẩm phán: Ông Đinh Việt Giang;
Bà Điều Thị Bích Lược.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 53/2023/TL-DSPT ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2023/DS - ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 75/2023/QĐXX - PT ngày 13 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Đức R, sinh năm 1954; ĐKKHKT: Khu 7, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. *Người đại diện theo ủy quyền của ông R:* Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 12, phường DVH, quận C, thành phố Hà Nội; Địa chỉ nhận văn bản của Tòa án: Số 194 đường Nam, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Ông Vương Xuân L, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu 8, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(Ông L có mặt, ông Đ vắng có mặt và có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Hoàng Đức R và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Đ trình bày: Ông R có thửa đất số 194, tờ 23, diện tích 1.400m, loại đất Ao + Lúa, được UBND thành phố Việt Trì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số 0571689, ngày 08/4/1999, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: 00088 QSDĐ/088(1). Do tuổi cao, sức yếu, ông R muốn tách thửa đất này thành 06 thửa để tặng cho con cháu và bán cho người khác nên đã ủy quyền cho ông Vương Xuân L, sinh năm 1976, ở Khu 8, phường V, thành phố Việt Trì thực hiện các thủ tục tách thửa, đề nghị Ủy ban nhân

dân (UBND) thành phố Việt Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Hai bên đã ký hợp đồng ủy quyền từ ngày 16/3/2020 tại Văn phòng công chứng HPT, nhưng sau hơn 01 năm vẫn không thực hiện được nên ngày 27/7/2021 hai bên đã làm biên bản ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên. Theo Biên bản này: Trong thời gian tối đa 60 ngày, ông L phải bàn giao kết quả cho ông R (hai bên tính thêm thời gian 30 ngày để phòng có trở ngại khách quan...). Trường hợp giao kết quả đúng hạn (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) ông R sẽ thưởng cho ông L số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng); nếu quá hạn, ông R không phải thanh toán số tiền hứa thưởng nêu trên cho ông L, ngoài ra ông L còn phải chịu phạt số tiền 200.000đ/ngày (hai trăm nghìn đồng một ngày). Thời gian tính tiền phạt từ ngày 28/9/2021 đến ngày thực tế bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá hạn, ông L không trả được kết quả, liên tục trình bày lý do là các cơ quan nhà nước (UBND thành phố V, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố) gây khó dễ, từ chối giải quyết trái pháp luật, ông đang phải đơn thư kêu cứu đến các cấp và cam kết sẽ chịu phạt theo đúng thỏa thuận để giữ uy tín.

Đến ngày 30/8/2022, ông L mới có kết quả. Theo cam kết, thỏa thuận, ông R và ông L đã L biên bản bàn giao giấy chứng nhận và nội dung phạt, cụ thể: Số ngày ông L phải chịu phạt từ ngày 28/9/2021 đến ngày 30/8/2022 là: 336 ngày. Số tiền ông L chịu phạt là: 336 ngày x 200.000đ/ngày = 67.200.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Sau khi trao đổi, xem xét nguyên nhân khách quan, chủ quan, hai bên thống nhất: Ông L có trách nhiệm thanh toán số tiền phạt là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) chậm nhất vào ngày 15/9/2022; quá thời hạn bên A không thanh toán phải chịu tiền lãi 1,5%/tháng.

Tuy nhiên, đến nay ông L vẫn chưa thanh toán số tiền này; ông cho biết: Ông đang phản ánh, khiếu nại gì đó đến các cơ quan của thành phố.

Nay ông R đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì giải quyết: Buộc ông L phải thanh toán trả ông R số tiền như đã thỏa thuận là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) + tiền lãi 1,5%/tháng tính từ 15/9/2022 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Ông Vương Xuân L bị đơn trình bày: Nội dung ông R khởi kiện là đúng sự thật: Ông L nhận ủy quyền của ông R đi làm thủ tục chia tách thửa đất đã có GCNQSD đất cho ông R từ tháng 3/2020, hồ sơ hoàn toàn đúng quy định. Nhưng quá trình thực hiện Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V (nay là Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V) tìm mọi biện pháp trái pháp luật, kéo dài thời gian không giải quyết.

Đến tháng 8/2022, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố mới trả kết quả cho ông. Điều đó cho thấy: hồ sơ của ông nộp là hợp lệ, đúng quy định; nhưng Văn phòng đăng ký đất đai thành phố cố ý kéo dài thời gian giải quyết. Ông và ông R có thỏa thuận ngày 27/7/2021: Trong thời gian tối đa 60 ngày, ông phải bàn giao kết quả cho ông R (hai bên tính thêm thời gian 30 ngày để phòng có trở ngại khách quan...). Trường hợp giao kết quả đúng hạn (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) ông R sẽ thưởng cho ông 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng); nếu quá hạn, ông R không phải thanh toán số tiền hứa thưởng nêu trên cho ông, ngoài ra ông L phải chịu phạt số tiền 200.000đ/ngày (hai trăm nghìn đồng một ngày). Thời gian tính tiền phạt từ ngày 28/9/2021 đến ngày thực tế bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi ký văn bản trên, hồ sơ của ông đã hoàn thiện, nộp đúng quy định về quyết thủ tục hành chính. Theo quy định thì thủ tục hành chính này chỉ 10 ngày là có kết quả, nhưng Văn phòng đăng ký đất đai thành phố có ý gây khó dễ không trả kết quả (dù không đưa ra được lý do kéo dài thời gian giải quyết), ông liên tục phải có đơn thư kêu cứu đến các cơ quan (phô tô kèm theo). Trong việc này, cũng có trách nhiệm của UBND thành phố V: Có văn bản số 164 ngày 19/01/2022 do Phó Chủ tịch Nguyễn Hữu N ký có nội dung từ chối giải quyết hồ sơ vì lý do trái pháp luật (phô tô kèm theo).

Theo cam kết, thỏa thuận, ông phải trả ông R số tiền phạt do chậm giao trả kết quả là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) + tiền lãi. Ông L công nhận có thỏa thuận này. Nhưng việc chậm giao kết quả có lỗi trực tiếp của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố và UBND thành phố V vì những cơ quan trên không không trả kết quả thì ông cũng không có kết quả để giao cho ông R.

Vì lẽ trên, ông L đề nghị TAND thành phố V công tâm xem xét toàn bộ vụ việc; đưa Văn phòng đăng ký đất đai thành phố và UBND thành phố V tham gia vụ án với tư cách người có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xác định lỗi trực tiếp của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố, yêu cầu văn phòng đăng ký đất đai thành phố và UBND thành phố phải liên đới bồi thường cho ông để ông bồi thường cho ông R. Yêu cầu UBND thành phố V giải thích rõ lý do chậm, muộn trả kết quả theo giấy hẹn cho ông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS- ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ các Điều 116, 117, 351, 357, 468 Bộ Luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đức R.

Buộc ông Vương Xuân L phải trả cho ông Hoàng Đức R 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và 9.180.000đ (Chín triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) tiền lãi tính từ ngày 15/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tổng là 69.180.000đ (Sáu mươi chín triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Bản án còn tuyên các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 04/8/2023 ông Vương Xuân L – Là bị đơn có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS- ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử đưa Ủy ban nhân dân thành phố V và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Vương Xuân L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không cung cấp chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308. Bác kháng cáo của ông Vương Xuân L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Ngày 04/8/2023 ông Vương Xuân L có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xem xét lại Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là hợp lệ, trong hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Vương Xuân L, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ theo Hợp đồng ủy quyền ngày 16/3/2020 tại Văn phòng công chứng HPT, ông Hoàng Đức R đã ủy quyền cho ông Vương Xuân L đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm các thủ tục liên quan đến việc xin chuyển đổi mục đích đối với 04 thửa đất (Thửa số 194, thửa đất 194-1, thửa đất 262, thửa đất 190). Ngày 27/7/2021 tại gia đình ông R ở khu 7, xã T, thành phố V giữa ông R và ông L đã ký với nhau văn bản thỏa thuận thực hiện thủ tục chia tách, sang tên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 09). Nội dung văn bản thỏa thuận thể hiện: Ông R có thửa đất số 194, tờ bản đồ số 23, diện tích 1.400 m², loại đất ao + lúa, được UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 571689, ngày 08/4/1999 đứng tên hộ ông Hoàng Đức R. Ông R có nhu cầu tách thửa đất trên thành 06 thửa để làm thủ tục tặng cho các thành viên trong “hộ gia đình” nên đã ủy quyền cho ông L thực hiện các thủ tục tách thửa, đề nghị UBND thành phố Việt Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng thành viên hộ gia đình ông R theo đúng quy định của pháp luật. Ông L cam kết trong thời gian tối đa 60 ngày sẽ bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới (đã chia tách) cho ông R. Trường hợp ông L giao kết quả trong thời gian cam kết thì ông R sẽ thưởng cho ông L số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Trường hợp quá hạn, ông R không phải thanh toán số tiền hứa thưởng trên cho ông L, ngoài ra ông L còn phải chịu phạt số tiền 200.000đ/ngày (hai trăm nghìn đồng một ngày). Thời gian tính tiền phạt từ ngày 28/9/2021 đến ngày thực tế bàn giao giấy chứng nhận.

Ngày 30/8/2022 ông R và ông L đã ký “Biên bản bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cam kết thanh toán” (BL 10) với nội dung: Số ngày ông L phải chịu phạt từ ngày 28/9/2021 đến ngày 30/8/2022 là: 336 ngày. Số tiền ông L chịu phạt là: 336 ngày x 200.000đ/ngày=67.200.000 đồng. Sau khi trao đổi, xem xét nguyên nhân khách quan, chủ quan, hai bên thống nhất: Ông L có trách nhiệm thanh toán số tiền phạt là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) chậm nhất vào ngày 15/9/2022, quá thời hạn ông L không thanh toán phải chịu tiền lãi 1,5%/tháng.

Như vậy, xác định việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, giao dịch dân sự giữa ông R và ông L có hiệu lực theo quy định của Điều 117 Bộ luật dân sự. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông L cũng đều thừa nhận nội dung khởi kiện của ông R là đúng.

Xét kháng cáo của ông L đề nghị đưa UBND thành phố V và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan trong vụ án để xác định trách nhiệm liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết thực hiện các thủ tục làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông R, người được ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính là ông Vương Xuân L đã được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất đã ban hành văn bản số 1714/CV- VP ĐKQSDĐ ngày 12/01/2021 về việc giải quyết hồ sơ đăng ký đo đạc địa chính thửa đất của công dân (BL 36) và Văn bản số 164/UBND – TNMT ngày 19/01/2022 về việc giải quyết đơn của công dân (BL 37), cả hai văn bản trên đều có ý kiến trả lời cho ông L trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính theo giấy ủy quyền. Trong biên bản thỏa thuận thực hiện thủ tục chia tách, sang tên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/7/2021 (BL 09) và Biên bản bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cam kết thanh toán ngày 30/8/2022 giữa ông L và ông R không xác định trách nhiệm liên đới của bên thứ ba trong hai biên bản thỏa thuận nêu trên (BL 10). Mặt khác ông L đã thực hiện xong thỏa thuận với ông R việc chia tách, cấp mới 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bàn giao lại toàn bộ 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho ông R. Do vậy, không cần thiết phải đưa Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân thành phố V tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Trong vụ án này ông Hoàng Đức R là nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Vương Xuân L phải thanh toán cho ông số tiền như đã thỏa thuận là 60.000.000đ và tiền lãi theo như biên bản đã thỏa thuận ngày 30/8/2022. Đối với đề nghị của ông L đưa Ủy ban nhân dân thành phố V và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nếu đủ căn cứ ông có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Vương Xuân L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS- ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 không chấp nhận kháng cáo của ông Vương Xuân L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS- ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ các Điều 116, 117, 351, 357, 468 Bộ Luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đức R.

Buộc ông Vương Xuân L phải trả cho ông Hoàng Đức R 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và 9.180.000đ (Chín triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) tiền lãi tính từ ngày 15/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tổng là 69.180.000đ (Sáu mươi chín triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vương Xuân L phải chịu 3.459.000đ (Ba triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vương Xuân L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông L đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0000492 ngày 07/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND TP. Việt Trì;
- Chi cục THADS TP. Việt Trì;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Huyền

